

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2021/HS-ST
Ngày: 18-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông
Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh
Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2021/HSST ngày
01/10/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T** tên gọi khác: không; sinh năm: 2001, tại tỉnh L. Số
CMND: 301754814, do Công an tỉnh L cấp ngày 08/7/2016.

Đăng ký hộ khẩu: ấp Q, xã G, huyện Y, tỉnh L.

Nơi cư trú hiện nay: thôn A, xã M, huyện D, tỉnh P; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình
độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt
Nam; con ông Trần Văn B và bà Phạm Thị V.

Tiền án: không.

Tiền sự: 01. Ngày 23/4/2021, bị Công an xã M huyện D xử phạt số tiền 750.000
đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 19/QĐ-XPHC, bị
cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2021 cho đến nay (*Bị
cáo có mặt tại phiên tòa*).

Những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện D, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị V, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn A, xã M, huyện D, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/5/2021, anh Lê Văn H rủ Trương Văn K, Trần Văn T, Nguyễn Văn C đến nhà anh H tại thôn A, xã M, huyện D, tỉnh P để nhậu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì anh K say nên về trước còn lại H, C và T tiếp tục uống đến khoảng hơn 00 giờ ngày 29/5/2021 thì nghỉ. Do đã say nên anh H đi vào trong phòng để ngủ, anh C lên vông ngoài phòng khách ngủ còn T ngồi bấm điện thoại đến khoảng 30 phút sau, T đi vào phòng ngủ thì thấy anh H đã ngủ say và có 01 ví da màu đen để trên giường nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. T mở ví lấy số tiền 2.500.000 đồng bỏ vào túi quần của mình rồi ném cái ví ở cửa phòng ngủ rồi đi về nhà của mình gần đó. Khoảng 06 giờ cùng ngày, anh H thức dậy phát hiện bị mất tiền nên đã đến Công an xã M trình báo. Sau đó Công an xã M đã tiến hành xác minh và mời T lên làm việc, T đã thừa nhận hành vi trộm cắp như trên và giao nộp số tiền 702.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Số tiền 702.000 đồng ngày 10/6/2021 Công an huyện Bù Đăng đã giao cho anh H.

Về trách nhiệm dân sự: bà Phạm Thị V là mẹ ruột của bị cáo T đã sử dụng số tiền mà T gửi bà V giữ giúp trước đó để bồi thường cho anh H với số tiền là 2.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 84/CT-VKS ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự người bị hại anh Lê Văn H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra.

Bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo xin lỗi người bị hại và bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T: Qua lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được vào ngày 29/5/2021 bị cáo T lợi dụng lúc anh H đã uống rượu say, bị cáo T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lấy số tiền 2.500.000đ trong ví của anh H.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến tài sản của người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên cần xử bị cáo với mức án thật tương xứng để răn đe giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Văn T quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, tại phiên tòa người bị hại anh H cho rằng số tiền 2.500.000đ là khá lớn với anh, tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy với mặt bằng kinh tế chung trong xã hội hiện nay khoản tiền 2.500.000đ không phải là lớn lắm nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra, tại phiên tòa người bị hại anh H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo mới lớn, tuổi còn nhỏ nên bông bột, nhận thức chưa thấu đáo. Như vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, h khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: không có; tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu có một tiền sự vào ngày 23/4/2021 bị Công an xã M huyện Bù Đăng xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt số 19/QĐ-XPHC đến ngày 29/5/2021 bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: bà Phạm Thị V sử dụng số tiền của bị cáo T để bồi thường cho anh H là 2.500.000 đồng; người bị hại anh Lê Văn H không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra.

[5] Đối với vật chứng vụ án: Số tiền 702.000 đồng là tài sản của anh Lê Văn H, ngày 10/6/2021 Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho anh H; xét thấy việc xử lý vật chứng của Công an huyện Bù Đăng là đúng theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân,

hành vi, hậu quả phạm tội của bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, h khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày đi chấp hành án.

[2] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn H số tiền 702.000đ. Về trách nhiệm dân sự người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở TP & Công An tỉnh BP;
- Công an huyện Bù Đăng;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thùy Linh